

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM - NĂM 2024
(Ngày 30 tháng 11 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG THÚY ANH Ngày tháng năm sinh: 12/6/1991
- Chức vụ/chức danh công tác: Nhân viên y tế - Tổ trưởng tổ Văn phòng - Thành viên Hội đồng tuyển sinh năm học 2024-2025.
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non Bình Trị Đông
- Nơi thường trú: 36 Liên Khu 16-18, khu phố 36, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân.
- Số căn cước công dân: 079191000538 ngày cấp 25/02/2022 nơi cấp Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Chồng của người kê khai tài sản, thu nhập: không có

- Họ và tên: không có Ngày tháng năm sinh: không có
- Nghề nghiệp: không có
- Nơi làm việc: không có
- Nơi thường trú: không có
- Số căn cước công dân: không có ngày cấp: không có nơi cấp: không có

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật): không có

3.1. Con thứ nhất: không có

- Họ và tên: không có Ngày tháng năm sinh: không có
- Nơi thường trú: không có
- Số căn cước công dân: không có ngày cấp: không có nơi cấp: không có

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất: không có

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở: không có

1.1.1. Thửa thứ nhất: không có

- Địa chỉ: không có
- Diện tích: không có
- Giá trị: không có

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: không có

- Thông tin khác (nếu có): không có

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất: không có

1.2. Các loại đất khác: không có

1.2.1. Thừa thứ nhất: không có

- Loại đất: không có Địa chỉ: không có

- Diện tích: không có

- Giá trị: không có

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: không có

- Thông tin khác (nếu có): không có

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): không có

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở: không có

2.1.1. Nhà thứ nhất: không có

- Địa chỉ: không có

- Loại nhà: không có

- Diện tích sử dụng: không có

- Giá trị: không có

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: không có

- Thông tin khác (nếu có): không có

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất: không có

2.2. Công trình xây dựng khác: không có

2.2.1. Công trình thứ nhất: không có

- Tên công trình: không có Địa chỉ: không có

- Loại công trình: không có Cấp công trình: không có

- Diện tích: không có

- Giá trị: không có

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: không có

- Thông tin khác (nếu có): không có

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất: không có

3. Tài sản khác gắn liền với đất: không có

3.1. Cây lâu năm: không có

- Loại cây: không có Số lượng: không có Giá trị: không có

- Loại cây: không có	Số lượng: không có	Giá trị: không có
----------------------	--------------------	-------------------

3.2. Rừng sản xuất:

- Loại rừng: không có	Diện tích: không có	Giá trị: không có
- Loại rừng: không có	Diện tích: không có	Giá trị: không có

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi: không có	Số lượng: không có	Giá trị: không có
- Tên gọi: không có	Số lượng: không có	Giá trị: không có

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: không có

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): không có

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu: không có	Số lượng: không có	Giá trị: không có
- Tên cổ phiếu: không có	Số lượng: không có	Giá trị: không có

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu: không có	Số lượng: không có	Giá trị: không có
- Tên trái phiếu: không có	Số lượng: không có	Giá trị: không có

6.3. Vốn góp:

- Hình thức góp vốn: không có	Giá trị: không có
- Hình thức góp vốn: không có	Giá trị: không có

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác:

- Tên giấy tờ có giá: không có	Giá trị: không có
- Tên giấy tờ có giá: không có	Giá trị: không có

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...):

- Tên tài sản: Xe gắn máy LEAD 110 mua từ năm 2012

Số đăng ký: 23656 Giá trị: 40.000.000 đồng (giá trị tại thời điểm mua)

- Tên tài sản: Xe gắn máy Air Blade 125 mua từ năm 2019

Số đăng ký: 127693 Giá trị: 47.000.000 đồng (giá trị tại thời điểm mua)

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác): không có

- Tên tài sản: không có Năm bắt đầu sở hữu: không có Giá trị: không có
- Tên tài sản: không có Năm bắt đầu sở hữu: không có Giá trị: không có
- 8. Tài sản ở nước ngoài: không có
- 9. Tài khoản ở nước ngoài: không có
- Tên chủ tài khoản: không có, số tài khoản: không có
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: không có
- 10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai:
- Tổng thu nhập của người kê khai: 247.736.454 đồng (từ ngày 24/11/2023 → 30/11/2024)
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): không có
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không có
- Tổng các khoản thu nhập chung: không có

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

[illegible]

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			không có biến động
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			không có biến động
6.1. Cổ phiếu			không có biến động
6.2. Trái phiếu			không có biến động
6.3. Vốn góp			không có biến động
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			không có biến động
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			không có biến động
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).	+ 2 xe máy	+ 87.000.000 đồng	Năm 2023: kê khai sót 02 xe máy
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			không có biến động
8. Tài sản ở nước ngoài.			không có biến động
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.		+247.736.454 đồng.	Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp

Bình Tân, ngày....tháng....năm 2024
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Bình Tân, ngày 30 tháng 11 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hoàng Thúy Anh